

KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM

LÊ MINH QUỐC

Tập 4

# DANH NHÂN VĂN HÓA VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

**DANH NHÂN  
VĂN HÓA  
VIỆT NAM**



KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM 

LÊ MINH QUỐC

# DANH NHÂN VĂN HÓA VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

HOAN NGHĨNH BẠN ĐỌC GÓP Ý PHÊ BÌNH  
NHÀ XUẤT BẢN TRẺ  
161b Lý Chính Thắng - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 9316211 - 8465595 - 8465596 - 9316289  
Fax: 84.8.8437450  
E-mail: [nxbtre@hcm.vnn.vn](mailto:nxbtre@hcm.vnn.vn)  
Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

## LỜI NÓI ĐẦU

*Khi viết Lịch triều hiến chương loại chí, nhà bách khoa Phan Huy Chú (1762-1840) có lời án trong phần Nhân vật chí mục Nhà nho có đức nghiệp, quyển XI - như sau: “Các danh nho xưa nay rất nhiều, dường như không thể kể xiết. Nhưng những người đọc sách, đồ đạt, mà đức vọng văn chương không rõ rệt để kê cứu, đều không chép. Chỉ nhặt lấy những người hơn cả, trước sau vài chục ông. Hoặc đạo đức nổi tiếng, hoặc khí tiết rõ rệt, hoặc giỏi về trước thuật, hoặc chuyên về văn chương, tuy tài giỏi không như nhau, nhưng đều có tiếng trên đời. Tóm lại, những người ấy không hổ là bậc danh nho cho nên chép rõ hành trạng các bậc đó”.*

*Nay chúng tôi ngồi trước án sách, trang nghiêm lật lại trang sách của người xưa, tưởng chừng như còn nghe lời nói ấy vang vọng bên tai. Học tập người xưa, chúng tôi cũng viết về những bậc danh nhân văn hóa của nước nhà. Mạo muội làm điều này cũng không ngoài mục đích giúp cho độc giả - nhất là bạn đọc thanh thiếu niên - hiểu rõ hơn công đức của các bậc tiền nhân. Với một tập sách mỏng, chúng tôi chưa thể viết được hết các bậc “có tiếng trên đời” trong lãnh vực văn hóa. Xin sẽ trở lại với những tập sau.*

*Trong Bình Ngô đại cáo, mà người đời đã đánh giá là “Thiên cổ hùng văn”, nhà văn hóa lỗi lạc Nguyễn Trãi có viết:*

Nước Đại Việt ta từ trước  
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu  
Núi sông bờ cõi đã chia  
Phong tục Bắc Nam cũng khác

*Điều này khẳng định, nước ta vốn có truyền thống văn hóa lâu đời. Dù các thế lực ngoại xâm từ hàng ngàn năm nay đã thực hiện chính sách đồng hóa về mọi mặt nhưng cuối cùng chỉ chuốc lại sự bại vong. Sức mạnh văn hóa của dân tộc ta bền bỉ, trường tồn như sức sống của một dân tộc. Những giá trị vật chất và tinh thần do tiền nhân sáng tạo ra trong quá trình lịch sử mãi mãi là niềm tự hào của các thế hệ sau.*

*Trong tập sách này chúng tôi cố gắng nêu bật công đức của các danh nhân như anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi. Khi đánh giặc, ông đã cùng Lê Lợi đã vận dụng sức mạnh của văn hóa dân tộc:*

**Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân  
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo**

*để đạt mục đích cuối cùng là “Xã tắc từ đây bền vững”. Trong số các nhân vật được UNESCO công nhận Danh nhân văn hóa thế giới, ngoài Nguyễn Trãi chúng tôi còn đề cập đến thi hào Nguyễn Du - người đã để lại một tác phẩm có giá trị là viên ngọc quý Truyện Kiều, không chỉ làm rạng rỡ nền văn hóa nước nhà mà còn có tiếng vang trên thế giới; Chủ tịch Hồ Chí Minh - một vĩ nhân lỗi lạc của thế kỷ XX mà cố Tổng Bí thư Lê Duẩn đã phát biểu “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”.*

*Trong nhiều giai đoạn khác nhau của lịch sử, chúng tôi đề cập đến danh nhân Phạm Đình Hổ - tác giả của nhiều công trình nghiên cứu có giá trị về lịch sử, ngôn ngữ, đại lý, thơ ca... mà lâu nay chúng ta chỉ mới biết qua Vũ trung tùy bút. Tiếp theo, chúng tôi đề cập đến Nguyễn Khuyến - thi sĩ số một của làng quê, của mùa thu Việt Nam và cũng là cây bút trào phúng xuất sắc nhất thời đại mà ông đã sống. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng giới thiệu những đóng góp của các danh nhân khác như nhà thơ Phan Văn Trị, nhà nghiên cứu Nguyễn Đổng Chi, nhà văn Nam Cao, họa sĩ Nguyễn Phan Chánh... với những công trình có giá trị lâu bền trong kho tàng văn hóa của nước nhà.*

*Chúng tôi cũng không quên đến nhà thơ trào phúng Tú Xương -*

người đã để lại một sự nghiệp văn học để tạo nên cốt cách trào phúng và trữ tình mà ít nhà thơ nào sánh kịp. Trong số các “môn đệ” của Tú Xương, chúng tôi giới thiệu nhà thơ Tú Mỡ - một cây bút trào phúng rất nổi tiếng trên văn đàn những năm 1930 của thế kỷ XX. Tiếng cười độc đáo của ông là biết kế thừa cái hay của các thi sĩ đàn anh và vận dụng ca dao, tục ngữ. Điều làm nên tên tuổi Tú Mỡ là ông đã cười rất ác vào cái ông nghi... gặt mà trước và sau ông chưa có ai vượt qua nổi!

Trong tập sách này, chúng tôi còn viết về bác Ba Phi. Năm 2002, một hội thảo khoa học “Chuyện kể bác Ba Phi” được tổ chức tại Cà Mau với 36 tham luận của các học giả, nhà nghiên cứu trong cả nước. “Tựu trung mọi người đều nhất trí đánh giá chuyện kể của bác Ba Phi là một di sản văn hóa phi vật thể của Nam Bộ cần được trân trọng gìn giữ cho muôn đời sau như ta đã gìn giữ chuyện Trạng Quỳnh, Trạng Lợn... trước đây. Các chuyện kể của bác Ba Phi bắt nguồn từ sự phong phú, giàu có của sản vật tự nhiên vùng U Minh những ngày đầu được người dân khai phá và bác Ba Phi chỉ là một người nâng bức tranh sản vật vô cùng phong phú ấy lên tầm thẩm mỹ văn học” (Báo Tuổi trẻ chủ nhật số ra ngày 8/12/2002). Tương tự, làm sao ta có thể quên được Vũ Trọng Phụng, nhà văn của nhiều tác phẩm hiện thực phê phán như Số đỏ, Giông tố... và nhiều tập phóng sự có giá trị hiện thực được phong tặng “Ông vua phóng sự đất Bắc”. Ngoài ra, khi viết tiếp những nhân vật lừng danh của thế kỷ XX, chúng tôi còn đề cập đến nhà triết học Trần Đức Thảo, người đã từng tranh luận thắng thế với nhà văn, nhà tư tưởng J.P. Sartre tại Paris và để lại nhiều tác phẩm triết học có giá trị. Là nghệ sĩ đa tài Văn Cao, người đã viết ca khúc bất hủ Tiến quân ca, được Quốc hội nước ta chọn làm Quốc ca. Là nhà dân tộc học Từ Chi, người đã dành tâm huyết một đời để nghiên cứu về văn hóa Mường, về làng xã Việt Nam đã có nhiều đóng góp to lớn mà học giả người Pháp là GS. Georges Condominas đã đánh giá là “một nhà bác học lớn” của Việt Nam.

Có thể khẳng định các nhân vật trên đều có những nỗ lực đáng quý, đáng trân trọng trong việc bảo vệ, phát huy di sản văn hóa của nước nhà bằng nhiều việc làm thiết thực, nghiêm túc và có giá trị lâu



*bền. Điều này có ý nghĩa không nhỏ khi chúng ta đang phấn đấu xây dựng một nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc. Do khuôn khổ tập sách có hạn nên chúng tôi sẽ tiếp tục đề cập đến nhiều danh nhân văn hóa khác trong những tập sau.*

*Nhân đây chúng tôi xin được nhắc lại, bộ sách KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM do nhà thơ Lê Minh Quốc thực hiện đã phát hành các tập: Danh nhân quân sự Việt Nam, Danh nhân khoa học Việt Nam, Các vị Tổ ngành nghề Việt Nam, Danh nhân Sư phạm Việt Nam, Danh nhân văn hóa Việt Nam, Các vị nữ danh nhân Việt Nam, Những nhà cải cách Việt Nam, Danh nhân cách mạng Việt Nam, Những người Việt Nam đi tiên phong, Những nhà chính trị Việt Nam và sẽ còn phát hành các tập tiếp theo, mời các bạn tìm đọc. Để bộ sách thật sự hữu ích cho bạn đọc - nhất là các bạn thanh thiếu niên - chúng tôi rất mong được sự chỉ giáo, giúp đỡ chân tình của các học giả uyên bác, của các nhà sử học và của các bạn đọc xa gần để tập sách ngày một hoàn hảo hơn. Trước hết xin bạn đọc ghi nhận ở đây sự biết ơn sâu xa của chúng tôi.*

**NHÀ XUẤT BẢN TRẺ**

# NGUYỄN TRÃI

*Khí phách và tinh hoa của dân tộc*

Nắng gắt. Trên con đường mòn gập ghềnh, khúc khuỷu, những người tù lê từng bước chân mệt mỏi. Tiếng chim kêu khắc khoải. Tiếng thúc giục inh ỏi của đám cai tù. Tiếng roi vun vút quất xuống lưng người tù đến róm máu. Rồi tiếng than khóc của thân nhân người tù nức nở vang lên. Tất cả tạo nên một âm thanh nặng nề, đau đớn. Cả hàng ngàn người tù băng rừng, lội suối lên ải Nam Quan. Bây giờ, họ đã đến nơi. Ngọn lau nơi vùng biên giới Hoa - Việt dường như trắng hơn, bạc hơn và cũng cứng cỏi hơn. Đoàn người được dừng lại nghỉ ngơi để chuẩn bị vượt qua biên giới. Nhiều người khóc òa lên, họ biết chỉ trong giây lát nữa hình ảnh Tổ quốc chỉ mãi mãi còn lại trong ký ức. Trong đám lau trắng kia có ba cha con người tù đang ngồi. Người cha nghiêng răng bảo đứa con lớn:



*Anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi  
(1380 -1442)*

- Hữu qui phục quốc thù khốc hà vi dã! Con là đứa có học, con hãy làm theo lời cha.

Nghe cha nói, người con rung rung nước mắt. Thấy vậy, người cha vỗ vai con rồi ôn tồn:

- Con hãy quay về tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha. Như thế mới là hiếu. Đi theo cha khóc lóc mới là hiếu hay sao?

Lời khuyên răn của cha khiến người con như tỉnh ngộ, liền đưa tay chùi sạch những dòng lệ nóng và hứa sẽ thực hiện theo. Cha con chưa tâm sự được nhiều, bỗng tiếng tù và vang lên như dao xoáy vào lòng người. Họ bị rịn chia tay. Nắng vẫn gắt. Không dám đứng nhìn cảnh em trai mình đang theo cha vượt qua biên giới, người con trai quay về. Tiếng chim vẫn kêu khoắc khoải...

Sự việc này diễn ra vào tháng 6/1407 khi cha con Hồ Quý Ly bị giặc Minh đánh bại, chúng đã bắt một số triều thần nhà Hồ đưa về Trung Quốc. Người cha khuyên răn con những lời tâm huyết nói trên chính là Nguyễn Phi Khanh. Còn người con quay về để thực hiện lời dạy của cha là Nguyễn Trãi - sau này đã trở thành một nhân vật tiêu biểu cho tinh hoa và khí phách của dân tộc Việt Nam, “con người viết thư thảo hịch tài giỏi hơn hết mọi thời” (Lê Quý Đôn); con người mà “âvăn chương mưu lược gắn liền với sự nghiệp kinh bang tế thế” (Phan Huy Chú); con người “như một ông tiên trong tòa ngọc, có tài làm hay, làm đẹp cho Nước từ xưa chưa có bao giờ” (Nguyễn Mộng Tuân).

Tổ tiên Nguyễn Trãi vốn quê ở xã Chi Ngại, huyện Phượng Sơn (nay là huyện Chí Linh, Hải Dương), sau chuyển về làng Ngọc Ổi huyện Thượng Phúc (nay làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Tây). Ông sinh năm 1380, có hiệu là Úc Trai. Cha ông là Nguyễn Ứng Long (tức Nguyễn Phi Khanh) và mẹ là Trần Thị Thái, con gái của Trần Nguyên Đán. Thuở hàn vi, Nguyễn Ứng Long làm nghề dạy học, được quan Tư đồ Trần Nguyên Đán mời về dạy học cho con gái. Cô học trò Trần Thị Thái yêu thầy và thường làm thơ Nôm trêu gheo. Chuyện này cũng thường tình, thầy trò cùng đang độ tuổi thanh xuân nên

tỏ ra quyền luyến cũng là điều dễ hiểu. Mối quan hệ này ngày càng khăng khít, chẳng bao lâu cô Thái có mang. Chuyện vỡ lở, Nguyễn Ứng Long bỏ trốn. Trong khi đó, biết sự tình này, quan Tư đồ Trần Nguyên Đán - chất của danh tướng Trần Quang Khải - lại trầm tĩnh lạ thường. Ông cho người gọi Ứng Long về và bảo:

- Người xưa cũng đã từng có như thế. Chắc anh biết chuyện Trác Văn Quân và Tư Mã Tương Như rồi chứ? Cũng từ tình yêu, vì tình yêu mà lưu danh đến đời sau. Nếu anh làm được như vậy là nguyện vọng của ta.

Trước thái độ rộng lượng, phóng khoáng của Trần Nguyên Đán, Nguyễn Ứng Long ra sức học tập và thi đậu Thái học sinh (tiến sĩ). Nhưng do quy định khắt khe của triều Trần, con nhà thường dân dù lấy con gái hoàng tộc cũng không dùng đến. Có tài năng nhưng không được trọng dụng, ông lui về dạy học ở làng Nhị Khê. Nguyễn Trãi là đứa con trai của cuộc tình duyên phóng khoáng tuyệt vời ấy. Năm 1400 Hồ Quý Ly phế bỏ vua Trần Phế Đế, lên ngôi, đặt quốc hiệu là Đại Ngu và mở khoa thi Thái học sinh. Nguyễn Trãi đậu ở khoa thi này và ra làm quan với nhà Hồ, được giữ chức Chánh Chuông đài Ngự sử. Năm 1401, Nguyễn Ứng Long đổi tên là Nguyễn Phi Khanh ra làm quan với nhà Hồ, giữ chức Học sĩ Viện Hàn Lâm kiêm Tư nghiệp Quốc Tử Giám. Rồi nhà Hồ mất vào tay giặc Minh. Sau khi từ biệt cha ở ải Nam Quan, Nguyễn Trãi quay về với “muời năm phiêu bồng”. Trong suốt thời gian từ năm 1407 - 1416 sử sách chưa biết rõ Nguyễn Trãi ở đâu, có tài liệu cho rằng thời gian đó ông bị giam lỏng ở thành Đông Quan, và cũng có tài liệu cho rằng ông lưu lạc sang Trung Quốc. Sau thời gian đó, có tài liệu cho rằng ông đã xuất hiện tại đại bản doanh của nghĩa quân Lê Lợi vào năm 1416; và tham gia hội thề Lũng Nhai để chuẩn bị khởi nghĩa. Nhưng ngược lại, có tài liệu cho rằng mãi đến năm 1421, Nguyễn Trãi mới đến Lỗi Giang (Thanh Hóa) tìm gặp Lê Lợi - chủ soái của phong trào Lam Sơn để dâng tập Bình Ngô sách. Trong cương lĩnh cứu nước của Nguyễn Trãi có nói đến chiến lược “đánh vào lòng người” thay cho chiến lược “đánh vào thành” tức là đánh vào tinh thần và ý chí xâm lược của giặc. Ngoài ra,

ông đã đề xuất chiến lược Giương làm cờ nhằm tụ tập bốn phương, đoàn kết mọi lực lượng kháng chiến của quần chúng trong cả nước. Từ đây biến mọi lực lượng này thành một lực lượng trực tiếp tham gia kháng chiến dưới ngọn cờ của nghĩa quân Lam Sơn. Nhờ vậy ban đầu lực còn yếu nhưng dần dần thế của nghĩa quân mạnh lên, có thể lấy yếu chống mạnh, lấy ít đánh nhiều. Sách lược bình Ngô của ông đã được anh hùng Lê Lợi đồng tình. Vì vậy ông đã được trao chức Tuyên phụng đại phu Hàn Lâm viện thừa chỉ, rồi được giữ lại bên cạnh Lê Lợi để cùng bàn mưu tính kế đánh giặc Minh.

Trước lúc phát cờ khởi nghĩa, để gây niềm tin và tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân, nghĩa quân Lam Sơn có mẹo dùng mỡ viết trên lá cây dòng chữ “Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần”. Kiến theo vết mỡ đục dần và dòng chữ đó đã hiện ra khiến dân chúng đều tin rằng đó là



Tượng thờ Nguyễn Trãi tại Lam Kinh  
(Thanh Hóa)

chữ của thần nhân, nên đều một lòng hướng về nghĩa quân. Dưới ngọn cờ Lam Sơn, Nguyễn Trãi đã thay mặt Lê Lợi viết nhiều thư giao thiệp với tướng giặc, tất cả được tập hợp lại trong *Quân trung từ mệnh tập* - thể hiện rất rõ chiến lược và sách lược “mưu phạt tâm công” của Nguyễn Trãi. Đây là tác phẩm đã thể hiện năng lực của một nhà tư tưởng, nhà biện luận thiên tài. Ông vừa nêu bật cuộc kháng chiến chính nghĩa của nghĩa quân Lam Sơn, vừa tố cáo tội ác xâm lược của giặc, vừa kiên quyết đánh chúng nhưng cũng vừa khuyên chúng

đầu hàng... Tất cả đều nhằm mục đích kết thúc sớm cuộc chiến tranh để đỡ tổn thất xương máu.

Cuộc kháng chiến chống quân Minh phát triển theo ba thời kỳ. Thời kỳ ở vùng thượng du Thanh Hóa (1418-1423) kết thúc bằng việc đình chiến. Nguyễn Trãi đã tiến hành cuộc đấu tranh ngoại giao để kéo dài thời gian hòa hoãn, tránh được mưu mô quỷ quyết của giặc. Sau khi “bên ngoài giả thác hòa thân” để “bên trong lo rèn chiến cụ” thì nghĩa quân bước sang thời kỳ thứ hai. Đó là thời kỳ tiến đánh thành Nghệ An để mở rộng vùng giải phóng phía Nam theo kế hoạch của danh tướng Nguyễn Chích. Lúc nghĩa quân vây thành Nghệ An và đánh tan viện binh của Lý An, Nguyễn Trãi đã viết thư dụ Phương Chính giao chiến khi hấn cố thủ trong thành: “Ta nghe bậc danh tướng quý nhân nghĩa mà rẻ quyền mưu. Lũ mày thì quyền mưu cũng chẳng đủ, còn nói gì nhân nghĩa? Ngày xưa thư mày gửi đến cho ta thường cười ta núp ở chỗ núi rừng không dám ra giao chiến ở đồng bằng đất phẳng. Nay ta đã đến đây, ngoài thành Nghệ An đều là chiến trường cả. Mày bảo đó là núi rừng hay đồng bằng? Mày đóng kín cửa ngòi xó trong ấy, có khác gì mục già không? Ta e lũ mày không trốn đâu khỏi cái nhục cân quắc”. Đúng như lý lẽ phân tích của Nguyễn Trãi, số phận của Phương Chính đã diễn ra như thế. Sau những chiến thắng vang dội - từ toàn phủ Nghệ An được giải phóng đến nền thống trị của giặc ở Thanh Hóa hoàn toàn sụp đổ - nghĩa quân Lam Sơn đã bước qua thời kỳ thứ ba. Đó là thời kỳ phát triển cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc trên quy mô cả nước và kết thúc cuộc chiến tranh. Nguyễn Trãi đã góp phần không nhỏ bằng đường lối ngoại giao kiên trì, khôn khéo. Ông đã phân tích cho chúng thấy nguy cơ thất bại như trong thư gửi Vương Thông năm 1427: “Nay tính họ các người có sáu điều phải thua:

- Nước lụt chảy tràn, tường rào đổ lở, lương cỏ thiếu thốn, ngựa chết quân ốm. Đó là điều thua thứ nhất.

- Xưa Đường Thái Tông bắt Kiến Đức mà Thế Sung ra hàng. Nay những nơi quân ải hiểm yếu, vừa quân vừa voi của ta đóng giữ đầy

đủ, viện binh có tới thế nào cũng thua. Viện binh mà đã thua thì lũ các người tất bị bắt. Đó là điều phải thua thứ hai.

- Ở nước các người, quân mạnh ngựa tốt nay đóng cả miền Bắc để phòng bị quân Nguyên, không rồi chuyển về Nam được. Đó là điều phải thua thứ ba.

- Luôn động can qua, liên tiếp đánh dẹp, người sống không vui, nhao nhao thất vọng. Đó là điều phải thua thứ tư.

- Gian thần chuyên chính, chúa yếu giữ ngôi, xương thịt hại nhau, gia đình sinh biến. Đó là điều phải thua thứ năm.

- Nay ta dấy binh, trên dưới cùng lòng, anh hùng thí sức, sĩ tốt càng luyện, khí giới càng tinh, vừa cày ruộng vừa đánh giặc. Còn bọn mày trong thành mệt mỏi, chuốc lấy diệt vong. Đó là điều phải thua thứ sáu”.

Nói như nhà bác học Phan Huy Chú thì những lá thư dụ hàng của thiên tài Nguyễn Trãi đã “có sức mạnh như mười vạn quân”. Những chiến công lừng lẫy ở Chúc Động - Tốt Động (1426), ở Chi Lăng - Xương Giang (1427) là kết quả của tấn công quân sự dưới sự chỉ huy của anh hùng Lê Lợi và đường lối “mưu phạt tâm công” của Nguyễn Trãi. Thật lạ lùng cho dân tộc Việt Nam, một dân tộc yêu hòa bình, không bao giờ hiếu chiến, dù đang trên thế “sấm vang chớp giạt, trúc chẻ tro bay” nhưng nghĩa quân Lam Sơn vẫn sẵn sàng mở đường cho chúng rút lui an toàn và giữ thể diện triều Minh. Nguyễn Trãi viết: “Nếu như muốn kéo quân về nước thì cầu đường sửa xong, thuyền ghe sắm đủ, thủy lục hai đường, tùy theo ý muốn, đưa quân ra cõi, yên ổn muôn phần”. Tư tưởng nhân nghĩa này đã được anh hùng Lê Lợi đồng tình, do đó, ngày 16/12/1427 ở phía Nam thành Đông Quan, Vương Thông phải tuyên thệ rút quân về nước:

*Tha kẻ hàng mười vạn sĩ binh  
Sửa hòa hiếu cho hai nước  
Tắt muôn đời chiến tranh  
Chỉ cần vẹn đất, cốt sao an ninh*

(Bài phú núi Chí Linh)

Tháng giêng năm 1428, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, bỏ quốc hiệu Đại Ngu của Hồ Quý Ly lấy lại quốc hiệu Đại Việt. Nguyễn Trãi được ban tước Quan phục hầu và được ban quốc tính Lê Trãi. Vâng lệnh Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã viết tác phẩm Bình Ngô đại cáo một “áng văn hùng tráng suốt thiên cổ” (thiên cổ hùng văn). Các nhà sử học đều đồng tình ghi nhận Bình Ngô đại cáo là Tuyên ngôn độc lập thứ hai, hàm ý bài thơ của Lý Thường Kiệt làm trong lần đánh giặc Tống năm 1077 là bản Tuyên ngôn độc lập thứ nhất và Tuyên ngôn độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Ba Đình ngày 2/9/1945 là bản cuối cùng. Người xưa đọc Bình Ngô đại cáo có cảm giác “đọc không chán miệng” (Phạm Đình Hổ), và cho rằng “Hùng văn trong thiên hạ không ai hơn được nữa, đó là sông Giang, sông Hàn trong các sông và sao Ngưu, sao Đẩu trong các sao vậy” (Tô Thế Huy), còn thời đại chúng ta và ngàn năm sau đều tự hào đó là khúc ca hùng tráng bất hủ của dân tộc:

*Từng nghe:*

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*

*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo*

*Như nước Đại Việt ta từ trước*

*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu*

*Núi sông bờ cõi đã chia*

*Phong tục Bắc Nam cũng khác*

*Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập*

*Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một*

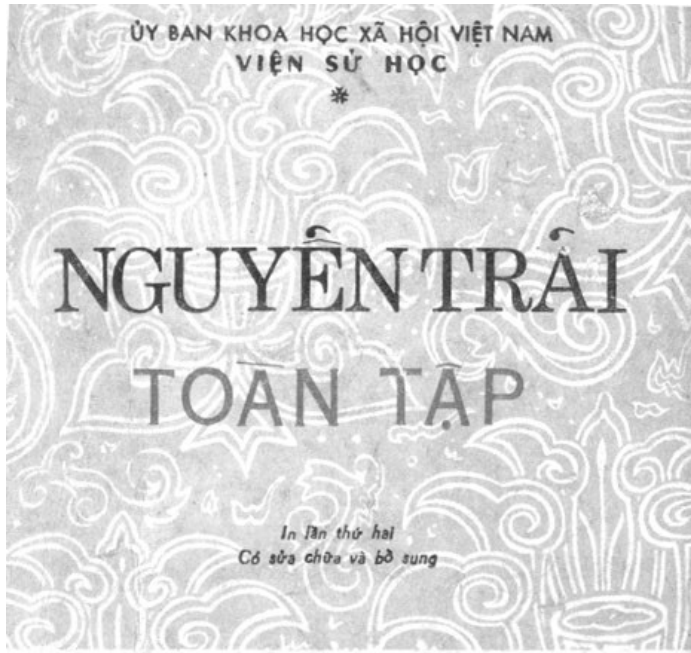
*phương*

*Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau*

*Nhưng hào kiệt đời nào cũng có...*

Thời gian này Nguyễn Trãi tiếp tục viết *Phú núi Chí Linh, Lam Sơn thực lục, Hạ tiếp* ca ngợi công đức của Lê Lợi đối với nền độc lập, tự chủ của dân tộc. Ngoài ra ông còn thay mặt vua để viết chiếu, thư từ giao thiệp với nhà Minh, về sau được tập hợp trong tập *Ngọc đường di cáo* tiếc rằng nay đã thất lạc. “Chủ đề hầu như xuyên suốt tập di cáo này





là tinh thần tận tụy vì dân, coi “thương dân” là mục đích và nguyên tắc của mọi hành động cũng như suy nghĩ của kẻ trị nước, và lấy việc nhận thức sức mạnh “lật thuyền” của dân làm một phương châm tư tưởng để người làm cha mẹ dân tự răn mình trong mọi hành vi xử thế của họ” (*Từ điển văn học*, tập II, trang 88). Năm 1433 Lê Lợi băng hà. Nguyễn Trãi viết văn bia Vĩnh Lăng “ghi thịnh đức vào đá để truyền mãi không mòn” công đức của Lê Lợi. Lê Thái Tông lên nối ngôi. Thời kỳ này

triều Lê đang dần dần khủng hoảng, vì mâu thuẫn lục đục trong nội bộ giai cấp thống trị đã bắt đầu phát sinh. Biết không thể chung sống hoặc chống lại với những phe phái đang mưu toan lũng đoạn quyền chính nên năm 1439 Nguyễn Trãi xin cáo quan về nghỉ tại Côn Sơn. Thời gian này, tâm hồn ông không vui:

*Còn có một lòng âu việc nước,  
Đêm đêm thức nhẩn nẻo sơ chung.*

Do đó, sống trong cảnh “gió thanh hây hây gác vàng, người như một tiên ông trong tòa ngọc” nhưng lúc nào ông cũng đau đời và tóc bạc trắng: “Tóc hai phần bạc bởi thương thu - Tóc nên bạc bởi lòng ưu ái - Âu chi tóc đã bạc mười phần” nhưng:

*Bui chỉ có lòng trung hiếu cũ,  
Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen.*

Trong thời gian này ông đã hoàn thành tập thơ *Quốc âm thi tập*, phần lớn tập thơ này gồm 254 bài chủ yếu được sáng tác lúc ở Côn Sơn. Với tác phẩm này, về sau nhà thơ Xuân Diệu khẳng định đó là “tác phẩm mở đầu nền thơ cổ điển Việt Nam” và Nguyễn Trãi “là nhà thơ lớn”. Nhưng rồi, Nguyễn Trãi cũng không thể ở mãi nơi “Am quạnh, hương thiêu, đọc ngũ kinh”. Năm 1440, Lê Thái Tông thấy quyền lực của mình đang lung lay vì bọn gian thần nên vời ông ra nhậm chức trở lại. Ngoài chức vụ cũ, ông còn được phong thêm chức mới và được đặc trách hai đạo Đông, Bắc. Nhân dịp này ông dâng Biểu tạ ơn: “Quần ngôn mặc kệ kẻ gièm pha, thánh ý cứ bền tin nhiệm”. Điều này cho thấy trong quần thần vẫn còn kẻ “gièm pha” ganh ghét ông. Do đó, ông “Cảm mà chảy nước mắt. Mừng mà sợ trong lòng”.

Rồi nỗi sợ hãi ấy thật sự đến với Nguyễn Trãi qua vụ án oan khốc “Lệ Chi Viên”. Ngày 1/9/1442, vua Lê Thái Tông đi duyệt võ ở Chí Linh, do là người đứng đầu cai quản miền Đông, Bắc nên Nguyễn Trãi có nhiệm vụ đón tiếp khi vua đến vùng này. Duyệt võ xong, vua đến nhà riêng của Nguyễn Trãi ở Côn Sơn, sau đó về Đông Kinh. Khi đi có cả Nguyễn Thị Lộ - vợ lẽ yêu của Nguyễn Trãi, đang giữ chức Lễ nghi học sĩ trong triều - cũng theo hầu vua. Ngày 7/9/1442 xa giá của vua Lê Thái Tông về đến Trại Vải (tức Lệ Chi Viên) ở làng Đại Lại, huyện Gia Bình (nay thuộc huyện Gia Lương - Hà Bắc) để nghỉ lại. Không ngờ, tối hôm đó, nhà vua bị cảm và đến sáng thì băng hà. Tai họa đã đổ ập xuống đầu Nguyễn Trãi. Bọn gian thần nhân cơ hội này vu cáo Nguyễn Thị Lộ và Nguyễn Trãi dùng thuốc độc giết vua. Bị buộc tội, Nguyễn Thị Lộ nhảy xuống sông tự trầm. Ngày 19/9/1442 cả dòng họ Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc. Vị khai quốc công thần triều Lê đã rơi đầu vì chính cái triều đình mà ông đã đem toàn bộ tâm huyết để cống hiến. Phải đợi đến 20 năm sau, năm 1464 nỗi oan khuất này mới được giải tỏa. Vua Lê Thánh Tông - con Lê Thái Tông - đã xuống chiếu giải oan cho ông và nói: “Lòng dạ Úc Trai sáng vàng vạc như sao Khuê” (Úc Trai tâm thượng quang Khuê tảo) và truy tặng cho ông tước Tán

trừ bá. Ba năm sau, nhà vua lại xuống chiếu cho Trần Khắc Kiệm đi tìm di thảo thơ văn của Nguyễn Trãi - nhờ vậy một phần thơ văn mới được lưu lại. Rồi năm 1868 bản in *Ức Trai di tập* do Dương Bá Cung sưu tập trong gần 50 năm được khắc in. Với tác phẩm này, Nguyễn Năng Tĩnh cho rằng: “Â Văn chương của tiên sinh tinh vi, thâm thúy, rộng rãi, chính đáng, cứng rắn, là tự tiên sinh rèn luyện và phát huy được. Tiên sinh vốn không có ý đức chuốt văn chương, nhưng một khi lời nói thổ lộ đều sáng sủa đẹp đẽ, dồi dào, không cái gì có thể che lấp được”. Còn Ngô Thế Vinh khẳng định: “Công lao của ông đã không thể che giấu được thì thơ văn của ông còn lại, dù một mảnh giấy hay một chữ cũng không nên để bị tiêu tan trong chỗ khói tàn củi nát vậy”. Nói như Phạm Quý Thích thì công đức của Nguyễn Trãi để lại cho đời: “Công cao bằng núi Lam có nghìn ngọn chót vót”.

Thật vậy, hậu sinh chúng ta có quyền tự hào về Nguyễn Trãi, một con người vĩ đại nhiều mặt trong lịch sử nước ta, là biểu hiện của tinh



Tượng tôn vinh danh nhân Nguyễn Trãi tại Quebec ở Canada



*Đền thờ Nguyễn Trãi tại Côn Sơn (Hải Dương)*

hoa và khí phách của dân tộc ta. Tương truyền, năm 1407 khi từ biệt cha ở ải Nam Quan - nơi cha ông là Nguyễn Phi Khanh và em ông là Nguyễn Phi Hùng bị đày sang Trung Quốc - Nguyễn Trãi đã đứng đó rỏ những giọt nước mắt thương khóc. Từng dòng lệ nóng chảy ra như suối. Sau này, khi nghĩa quân Lam Sơn quét sạch bóng giặc Minh xâm lược, để tưởng nhớ tấm lòng trung hiếu của người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi, nhân dân đã đào một cái giếng nơi Nguyễn Trãi đã đứng. Không ngờ, đào trúng mạch nước, giếng rất trong, nước rất ngọt. Từ đó, nhân dân vùng ải Bắc gọi giếng này là Giếng Nước Mắt. Phải chăng đây là một truyền thuyết nhằm chia sẻ với nỗi oan khuất của Nguyễn Trãi sau vụ án Lệ Chi Viên? Đó là nỗi hận mà dường như Nguyễn Trãi đã linh cảm được. Ông đã viết:

*Họa phúc có mầm đâu một buổi,  
Anh hùng để hận mấy nghìn năm.*

Bây giờ, nỗi hận ấy đã đi qua. Tên tuổi Nguyễn Trãi trường tồn cùng non sông đất nước ta.

Nhà nước ta đã tổ chức long trọng lễ kỷ niệm nhân 600 năm ngày sinh của ông. Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) đã quyết định tổ chức kỷ niệm ông một Danh nhân Văn hóa thế giới. Theo đánh giá của UNESCO, Nguyễn Trãi là người có đóng góp xuất sắc không chỉ cho văn hóa dân tộc mà còn cho sự phát triển văn hóa chung của nhân loại, là đại diện, biểu trưng cho một nền văn hóa thế giới đa bản sắc, vừa thấm đẫm văn hóa dân tộc, vừa thấm đượm tinh hoa văn hóa nhân loại.